

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thụ lý số: 82/2017/HSST
Ngày: 04/10/2017
Bản án số: 82/2017/HSST
Ngày 13 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Phong**

Các Hội thẩm:

1. Ông Hoàng Đăng Đ

2. Bà Trần Thị L

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị H – Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Th- Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2017/HSST ngày 04/10/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/HSST- QĐ ngày 06/10/2017, đối với bị cáo :

Nguyễn Duy T, Sinh năm: 1994; Nơi đăng ký HKTT: Ph, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Duy L, S năm 1967 và bà Trần Thị L1, S năm 1968; Có vợ là Hoàng Thị A, S năm 1994 và có 01 con S năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Lê Thị L2, S năm 1977.

Địa chỉ: GP, B, G, Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị S, Sinh năm 1972.

Địa chỉ: LL, NT, G, Bắc Ninh. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H, Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn LL, xã NT, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Văn B, Sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: LC, A, L, Bắc Ninh.

2. Anh Nguyễn Thế H, Sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Anh Nguyễn Đăng Thành C, Sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã YG, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản cáo trạng số 77/CTr- VKS ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 15/7/2017, Nguyễn Duy T đi bộ một mình từ nhà đến nhà ông nội T ở cùng thôn chơi. Trên đường đi, khi T đang đi bộ trên đường bê tông ngang qua cánh đồng thôn Ph thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, đen, bạc, BKS: 99H1 - 202.95 của chị Lê Thị L2 đang dựng ở sườn đường. T để ý xung quanh thấy không có ai nên đã nảy S ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị L2 để làm phương tiện đi lại. T tiến lại vị trí dựng chiếc xe và sử dụng chiếc chìa khóa xe mô tô nhặt được trước đó ở trên đường thôn Ph đưa vào ổ khóa mở thử thì mở được khóa điện của xe. Sau đó, T ngồi lên xe nổ máy đi lên đường Quốc lộ 17 rồi đi đến thôn LC, xã AT, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Khi đi đến thôn LC, T đi vào quán sửa chữa xe máy của anh Đỗ Văn B, mục đích để tháo một số bộ phận của xe nhằm thay đổi hiện trạng của xe, tránh bị phát hiện. Khi vào quán, T nói với anh B chiếc xe do bạn của T trộm cắp ở thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh mà có và T nhờ anh B tháo hộ yếm xe, ốp nhựa, đèn, gác đỡ bu trước của xe, còn T tháo biển số của xe. Sau đó, T bán cho anh B số đồ nhựa với số tiền 300.000đ, còn chiếc biển số xe thì T vớt lại quán của anh B. Sau đó T đi khỏi quán của anh B, trên đường đi T nhận được cuộc điện thoại của người lạ nói T trộm cắp xe và đem trả. Lúc này T biết được việc người dân thôn Ph biết T đã trộm cắp xe nên T điều khiển xe đi vào khu vực nghĩa trang nhân dân thuộc cánh đồng thôn LL, xã NT, huyện G, rồi đi đến gần cổng chùa thôn LL, xã NT và để xe ở đó, mục đích để người dân phát hiện rồi đem trả lại người bị mất.

Ngay sau đó T để ý thấy cách vị trí T bỏ lại chiếc xe khoảng 200m, trên đường bê tông khu vực cánh đồng thôn LL có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, BKS: 99H1 – 124.44 của chị Nguyễn Thị S đang dựng ở địa đường, quan sát xung quanh thấy không có người nên T nảy S ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị S. T đi lại gần chiếc xe thì thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, T ngồi lên xe nổ máy và đi ra đường Quốc lộ 17, rồi đi lên Cầu H- huyện TT, tỉnh Bắc Ninh. Khi đi đến Cầu H, T dừng xe lại mở cốp xe thì thấy có cờ lê trong cốp, T dùng cờ lê tháo biển

số vớt xuống Sông Đuống. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe đi lên thành phố Bắc Ninh và đi xe đến nhà Trần Ngọc S3 ở C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, là người quen biết với T từ trước. Đến nhà S3, T nói với S3 là xe của T bị mất giấy tờ và nhờ S3 hỏi xem có ai mua xe hay không. Sau đó, S3 điện thoại cho anh Nguyễn Thế H ở C, phường V, thành phố Bắc Ninh, là cậu của S3 hỏi có mua xe không, anh H đồng ý mua xe và đi đến nhà S3. Tại sân nhà S3, T nói với anh H chiếc xe là của T bị mất giấy tờ muốn bán. Anh H đồng ý và thỏa thuận mua chiếc xe của T với giá 3.000.000đ. Sau khi bán được xe, T bắt xe taxi về, trên đường về T vào một cửa hàng điện thoại ở ven đường mua một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Itel màu đồng với giá 1.700.000đ, số tiền 1.300.000đ còn lại, cùng với số tiền 300.000đ T bán số nhựa của chiếc mô tô T trộm cắp ở thôn Ph trước đó, một mình T ăn tiêu hết.

Ngày 15/7/2017 chị Nguyễn Thị S giao nộp cho Cơ quan CSĐT một xe mô tô nhãn hiệu Wave bị tháo vỏ, xe không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, không có yếm xe, không có phần vỏ nhựa bọc thân xe, số khung 1258FY232204, số máy HC12E7232268. Chị S trình bày chiếc xe trên chị thấy ở gần cổng chùa thôn LL, xã NT nên giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 18/7/2017, Nguyễn Duy T đến C an huyện Gxin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp một chiếc xe mô tô tại cánh đồng thôn Ph, xã B, huyện G và một chiếc xe mô tô tại cánh đồng thôn LL, xã NT, huyện G, vào ngày 15/7/2017. Khi đến đầu thú T tự nguyện giao nộp một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Itel màu đồng.

Cùng ngày, Nguyễn Duy T tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra: một biển kiểm soát xe mô tô 99H1 – 202.95; một chìa khóa có thân bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu đen có in chữ HONDA. T trình bày chiếc chìa khóa T giao nộp là chiếc chìa khóa T dùng để mở ổ khóa điện và trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 99H1 – 202.95 ngày 15/7/2017.

Ngày 24/7/2017 anh Nguyễn Thế H, S năm 1977 ở C, phường V, thành phố Bắc Ninh, tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT - C an huyện G, một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc, số khung 383425; số máy 5383546, xe không có biển kiểm soát. Anh H trình bày là chiếc xe anh mua của T ngày 15/7/2017.

Tại Bản kết luận định giá số 16/HĐ ĐGTS ngày 23/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện G kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc đã qua sử dụng mang BKS: 99H1 - 202.95, số máy HC12E7232268, số khung 1258FY232204, sản xuất tại Việt Nam, vành nan, phanh cơ, dung tích xilanh 97 cm³, mua mới và sử dụng từ tháng 12/2016. Tình

trạng xe bị tháo vỏ, không có gương chiếu hậu, không có yếm xe, không còn vỏ nhựa bọc thân xe, đến thời điểm hiện tại có giá trị còn lại là 7.500.000đ.

Tại Bản kết luận định giá số 19/HĐ ĐGTS ngày 06/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện G kết luận: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh – đen – bạc đã qua sử dụng, số máy 5383546, số khung 383425, sản xuất tại Việt Nam, vành nan, phanh cơ, dung tích xi lanh 97 cm³, mua mới và sử dụng từ tháng 9/2014 đến thời điểm hiện tại có giá trị còn lại là 11.000.000đ.

Ngày 02/8/2017 anh Đỗ Văn B, S năm 1990 ở thôn LC, xã AT, huyện L2 Tài, giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 400.000đ. Anh B khai nhận số tiền này là do anh bán số đồ nhựa của xe mô tô mà trước đó anh mua của T vào ngày 15/7/2017.

Ngày 13/8/2017 Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chị Lê Thị L2, một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc, số máy HC12E7232268, số khung 1258FY232204; một biển kiểm soát xe mô tô 99H1 – 202.95.

Ngày 13/9/2017 Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho chị Nguyễn Thị S, một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh - đen - bạc, số khung 383425, số máy 5383546.

Trong quá trình điều tra, ngoài việc khai nhận đã trộm cắp hai chiếc xe mô tô vào ngày 15/7/2017 như đã nêu trên, Nguyễn Duy T còn khai nhận trước đó vào ngày 05/7/2017 T còn có hành vi trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream ở khu vực thôn LL, xã NT, huyện G, cụ thể như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2017, T nhờ Vũ Văn Đ ở thôn Đ1, xã B, huyện G, là em họ của T đi xe chở T từ thôn Đ1 ra ngã ba Ng thuộc xã NT chơi. Khi đi qua khu vực thôn LL, xã NT, huyện G, T nhìn thấy tại sân trước cửa nhà chị Nguyễn Thị H có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, BKS: 99H4 – 7214. Quan sát xung quanh thấy không có ai nên T nảy S ý định trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên, T bảo Đ dừng xe lại, Tuấn xuống xe và bảo Đ đi về. Sau khi Đ đi về thì T tiến lại gần chiếc xe mô tô của chị H, T thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện của xe, T ngồi lên xe nổ máy và đi về thôn Ph, xã B. T điều khiển xe vào quán sửa chữa xe nhà anh Nguyễn Xuân Z, S năm 1989 ở cùng thôn với T, mục đích là để mượn đồ tháo yếm và biển số xe để tránh bị phát hiện. Đến quán thì T nói với Z là xe T vừa “nhảy” được, tức là xe T vừa trộm cắp được, rồi T mượn cớ lê tháo biển số, gương chiếu hậu, Z tháo yếm xe hộ. Sau đó, T vít lại biển số xe và yếm xe tại quán của Z rồi điều khiển xe đi lên thành phố Bắc Ninh. Khi đi đến gần cầu Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh thì T vào một quán trà đá rồi gọi điện thoại cho Nguyễn Đăng Thành

C ở thôn Yên Giả, xã Yên Giả, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, là bạn quen biết của T ra quán trà đá uống nước. Sau đó, do trời mưa nên T có bắt xe taxi đi giải quyết C việc riêng, khi lên xe T có gọi điện thoại cho C nói nhờ C trông giúp chiếc xe để T đi giải quyết C việc, C đồng ý. Do đợi mãi không thấy T quay lại nên C có đi chiếc xe mô tô T gửi về nhà C. Sau đó khoảng 4 đến 5 ngày T có gọi điện cho C để đòi lại xe nhưng C bảo đã cho một người bạn tên Nam ở Hải Phòng mượn, khi nào Nam trả C thì C trả T. Đến nay, Cơ quan điều tra vẫn chưa thu Hi được chiếc xe mô tô nói trên.

Ngày 19/7/2017 anh Nguyễn Xuân Z, giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 BKS xe mô tô 99H4 – 7214; 01 gương chiếu hậu của xe mô tô; 01 yếm xe mô tô màu đen, trắng.

Căn cứ vào lời khai nhận của T; lời trình bày của người bị hại và các tài liệu do người bị hại cung cấp về đặc điểm của chiếc xe mô tô, ngày 31/7/2017 Cơ quan CSĐT – C an huyện G ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 21, trưng cầu Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện G định giá: 01 xe mô tô nhãn hiệu Super Dreamm màu nâu, đã qua sử dụng, số máy: HA08E0736176, số khung 055Y736140. Xe được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam năm 2005, vành nan, phanh cơ, dung tích xi lanh 97 cm³.

Tại C văn số 16/CV- HĐĐGTS, ngày 04/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện G, gửi Cơ quan CSĐT về việc định giá tài sản theo Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 21 ngày 31/7/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra với nội dung: “ Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp C lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước. Phương tiện đường bộ được sử dụng từ 6 đến 10 năm, giá trị khấu hao từ 10% đến 16.7%/ năm. Tuy nhiên do 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Super Dream, màu nâu, vành nan, phanh cơ, dung tích xi lanh 97 cm³, số máy số máy: HA08E0736176, số khung 055Y736140, sản xuất và lắp ráp tại Việt Nam năm 2005, sử dụng từ năm 2005 đến tháng 7/2017 là 12 năm 7 tháng, theo quy định giá trị còn lại không còn và chiếc xe trên không có hiện vật tại cơ quan C an. Do vậy Hội đồng định giá không thể xác định được giá trị còn lại của chiếc xe trên khi không có tài sản”.

Quá trình điều tra chị H trình bày, chị đồng ý với Hội đồng định giá về việc xác định giá trị chiếc xe mô tô của chị và không có yêu cầu, ý kiến gì.

Mặc dù Hội đồng định giá không thể xác định được giá trị còn lại của chiếc xe mô tô Super Dream, BKS: 99H4- 7214, khi không có tài sản. Nhưng căn cứ vào

lời trình bày của chị H, lời trình bày của người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đủ căn cứ để xác định chiếc xe mô tô Super Dream, BKS: 99H4- 7214 chị H bị T trộm cắp vẫn còn giá trị vì trước khi bị T trộm cắp thì chị H vẫn sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại và hiện chiếc xe có giá trị là 1.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Đăng Thành C đã bồi thường cho chị số tiền 1.000.000đ. chị H nhất trí với việc bồi thường của anh C và không có đề nghị gì.

Ngày 13/9/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại 01 biển kiểm soát, 01 gương chiếu hậu, 01 yếm xe mô tô màu đen trắng của chiếc xe bị trộm cắp cho chủ sở hữu là chị H.

Quá trình điều tra, ngoài việc khai nhận có hành vi trộm cắp xe mô tô tại huyện G thì Nguyễn Duy T còn khai nhận vào khoảng giữa tháng 6/2017 T còn có hành vi trộm cắp xe mô tô tại địa phận xã AT, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Do vụ việc không thuộc thẩm quyền điều tra nên Cơ quan CSĐT – C an huyện G đã bàn giao tài liệu cho Cơ quan CSĐT – C an huyện L để điều tra theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Duy T thừa nhận đã ba lần có hành vi lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện G. Cụ thể: Vụ thứ nhất: T trộm cắp chiếc xe Super Dream, BKS: 99H4 – 7214 của chị H trị giá 1.000.000đ. Vụ thứ hai: Bị cáo trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 99H1 - 202.95 trị giá 7.500.000đ của chị Lê Thị L2. Vụ thứ ba: Bị cáo trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 99H1 - 124.44 trị giá 11.000.000đ của chị Nguyễn Thị S. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Duy T trộm cắp là 19.500.000đ. Toàn bộ số tiền có được do phạm tội mà có được bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại là chị H có mặt tại phiên tòa trình bày đã nhận lại được một phần tài sản và đã được bồi thường đầy đủ nên không có yêu cầu bồi thường thêm. Chị S yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.000.000đ là tiền thay thế một số phụ tùng như 02 gương chiếu hậu; 01 cần khởi động; 01 ổ khóa điện.

Bị cáo T nhất trí bồi thường số tiền là 1.000.000đ theo yêu cầu của chị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác. Do vậy có đủ cơ sở xác định Nguyễn Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản. Sau khi phân tích Z nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Duy T từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa xe mô tô thân bằng kim loại, chuỗi bằng nhựa màu đen có in chữ Honda

Tịch thu xung quỹ Nhà nước: số tiền 400.000đ và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị S số tiền là 1.00.000đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp lại số tiền 600.000đ xung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghe bản luận tội bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại và người liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong H sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tang vật của vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 05 đến 15/7/2017 Nguyễn Duy T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện G. Cụ thể: Trộm cắp chiếc xe của chị H trị giá 1.000.000đ, trộm cắp một chiếc xe mô tô của chị Lê Thị L2 trị giá 7.500.000đ và trộm cắp xe mô tô của chị Nguyễn Thị S trị giá 11.000.000đ. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Duy T trộm cắp là 19.500.000đ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo

quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện nhiều hành vi trộm cắp trong khoảng thời gian ngắn, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo Hậu thì thấy: T tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp, trong đó có 02 vụ tài sản trộm cắp được có giá trị trên 02 triệu đồng, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là “phạm tội nhiều lần”. Ngoài việc thực hiện tội phạm trên địa bàn huyện G, bị cáo khai còn có hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện L2 Tài, hiện cơ quan điều tra huyện L2 Tài đang điều tra, làm rõ. Do vậy cần đánh giá T là người có ý thức coi thường pháp luật, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình HĐXX cũng xem xét cho bị cáo T trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra, khi hành vi phạm tội bị phát hiện T đã đến cơ quan C an huyện G đầu thú và khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và chị H và chị L2 đã nhận lại được tài sản, được bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu đòi bồi thường thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị S yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 1.000.000đ là chi phí chị đã bỏ ra để thay thế 02 gương chiếu hậu; 01 cần khởi động; 01 ổ khóa điện. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị S số tiền là 1.000.000đ.

Đối với số tiền 3.300.000đ là tiền có được do hành vi phạm tội của bị cáo T cần buộc bị cáo phải nộp lại sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ đi số tiền là 1.700.000đ bị cáo đã sử dụng để mua điện thoại, hiện chiếc điện thoại là tang vật

của vụ án và 1.000.000 bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị S. Như vậy tổng số tiền bị cáo phải nộp lại xung quỹ Nhà nước là 600.000đ.

Về tang vật của vụ án: Đối với 01 chìa khóa xe mô tô thân bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu đen có in chữ Honda xét giá trị sử dụng không còn, chủ sử hữu không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với tiền 400.000đ của anh Đỗ Văn B và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đồng của bị cáo T là tài sản có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Liên quan trong vụ án có anh Nguyễn Thế H là người mua chiếc xe mô tô do T trộm cắp mà có, tuy nhiên, khi mua H không biết đó là tài sản trộm cắp, do vậy cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là phù hợp. Anh Đỗ Văn B, Đỗ Văn Z có hành vi cho T mượn dụng cụ để tháo bộ phận của xe do T trộm cắp, anh B mua lại một số phần nhựa của chiếc xe. Tuy nhiên, anh B và anh Z không biết đó là xe do T trộm cắp, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét, xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Xử phạt Nguyễn Duy T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo Nguyễn Duy T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị S số tiền là 1.000.000đ.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp lại số tiền 600.000đ để xung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa xe mô tô thân bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu đen có in chữ Honda

Tịch thu xung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ và 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đồng, nhãn hiệu Itel, model: S11 Plus Designed by itel mobile đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng biên bản giao nhận vật chứng vụ án hình sự ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện G;
- THA huyện G(án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Văn Phong

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2017/TLBA - HSST

G, ngày 13 tháng 11 năm 2017

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số /2017/HSST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo:

Nguyễn Duy T, S năm: 1994; Nơi đăng ký HKTT: Ph, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Duy L2, S năm 1967 và bà Trần Thị Lý, S năm 1968;

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Duy T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo Nguyễn Duy T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Nơi nhận:

- Bị cáo.

-Trại tạm giam

- Lưu H sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

Số: /2017/HSST- QĐTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

G, ngày 13 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Phong

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Đăng Đán

2. Bà Trần Thị Lịch

Căn cứ vào các điều 79, 80, 88 và 228 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 13/11/2017 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tạm giam bị cáo: **Nguyễn Duy T**, S năm: 1994.

Nơi đăng ký HKTT: Ph, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Tự do;

Bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt: 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Trại tạm giam C an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam C an tỉnh BN;
- Viện kiểm sát nhân dân H. G
- Bị cáo;
- Lưu HS

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ